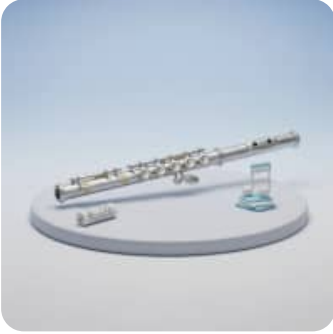


ベトナム語の楽器

片面印刷し、中央の点線で折って、グレーの線で切り取ってください

 đàn piano	 trống	太鼓 Tôi nghe thấy tiếng trống lớn. 大きな太鼓の音が聞こえます。 レッスン149・音楽と楽器	ピアノ Cô ấy chơi đàn piano. 彼女はピアノを弾きます。 レッスン149・音楽と楽器
 vĩ cầm	 sáo	フルート Cô ấy chơi sáo. 彼女はフルートを吹きます。 レッスン149・音楽と楽器	バイオリン Cô ấy chơi vĩ cầm rất giỏi. 彼女はバイオリンを弾くのが上手です。 レッスン149・音楽と楽器
 kèn trumpet	 kèn saxophone	サクス Người nhạc sĩ đang chơi kèn saxophone. そのミュージシャンはサクスを演奏します。 レッスン149・音楽と楽器	トランペット Người đàn ông đó đang thổi kèn trumpet. その男性はトランペットを吹いています。 レッスン149・音楽と楽器
 ban nhạc	 giai điệu	調べ Cô ấy hát một giai điệu rất hay. 彼女は美しい調べを歌います。 レッスン149・音楽と楽器	バンド Ban nhạc chơi nhạc rất to. そのバンドは大きな音で演奏します。 レッスン149・音楽と楽器

 bài hát	 nhịp	リズム Nhịp của bài nhạc này rất nhanh. この音楽のリズムは速い。 レッスン149・音楽と楽器	歌 Cô ấy hát một bài hát rất hay. 彼女は美しい歌を歌います。 レッスン149・音楽と楽器
 nhịp điệu	 micro	マイク Cô ấy nói vào micro. 彼女はマイクに向かって話した。 レッスン149・音楽と楽器	リズム Bài nhạc này có nhịp điệu nhanh. その音楽はリズムが速いです。 レッスン149・音楽と楽器